CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn bảo hiểm DBV

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-6.5%**	**-3.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 12,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
Sở hữu nước ngoài	75.1%
Beta	0.22
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/25
866
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 435| 101%
YoY: ▲ 564| 187%

LN thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25
7.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.42| 337%
YoY: ▲ 7.03|

Tỷ suất lãi EBIT
2025
74.6%
YoY: +/-▼ 9.8%

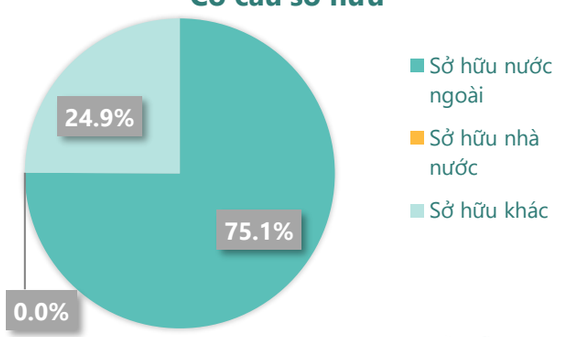
ROE
2025

DT thuần
2025
1,952
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 703| 56.2%

LN thuần
2025
0
tỷ VNĐ

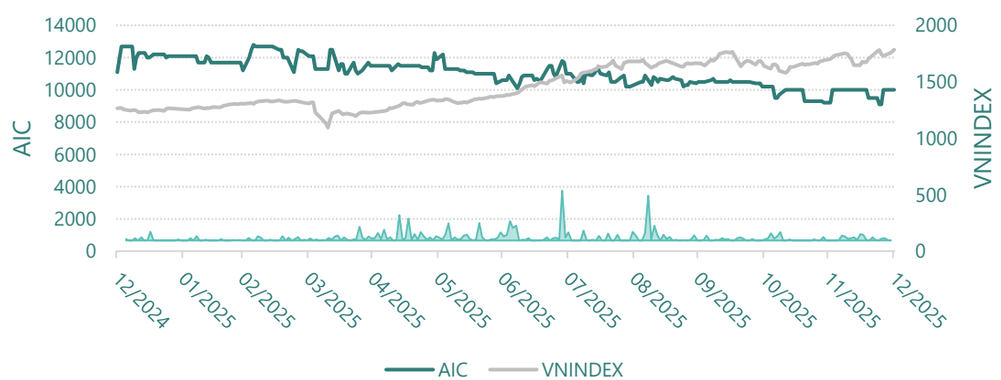
LN sau thuế
2025
8.64
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.68| 74.2%

Cơ cấu sở hữu

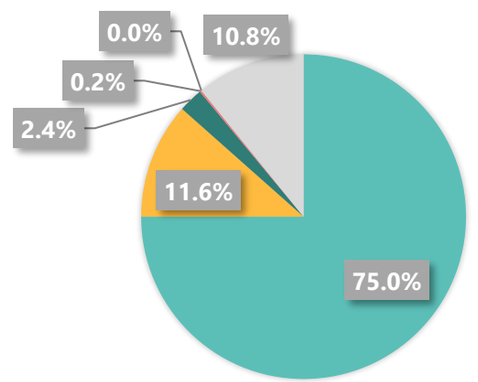


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

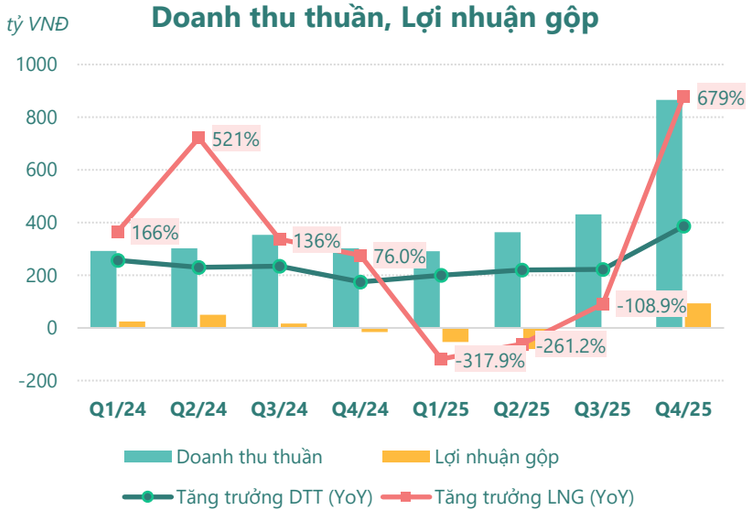


- DB Insurance Co.,Ltd
- CTCP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ
- Nguyễn Ngọc Nghị
- Nguyễn Thành Quang
- Lê Thị Hà Thanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

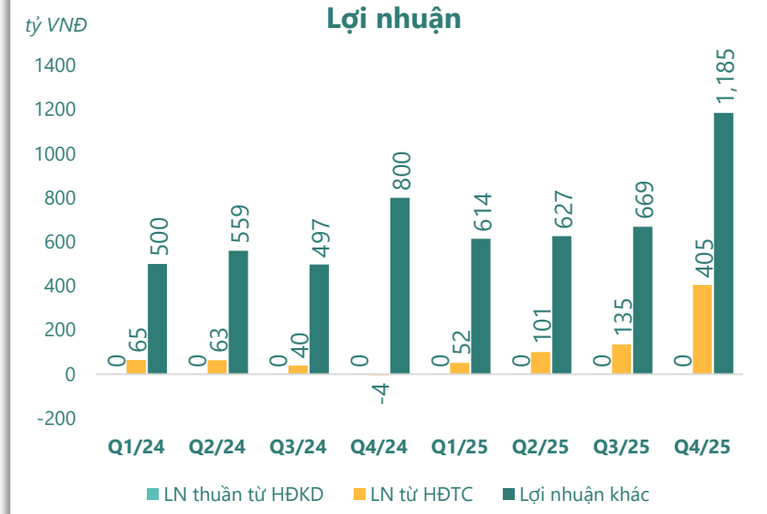
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



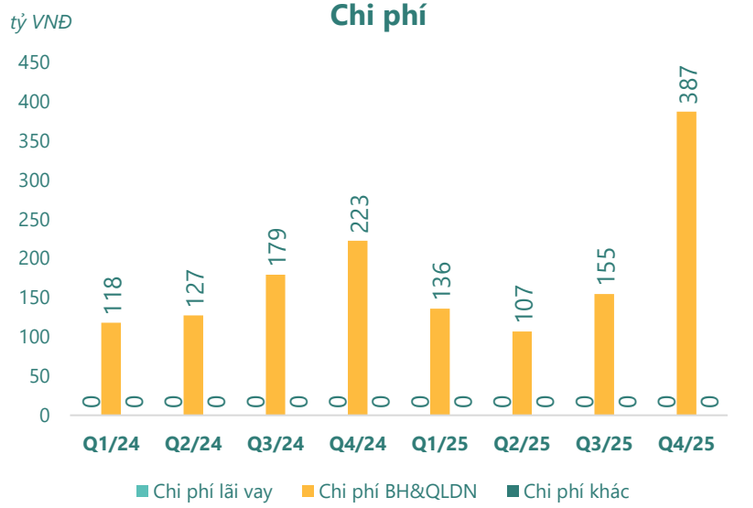
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



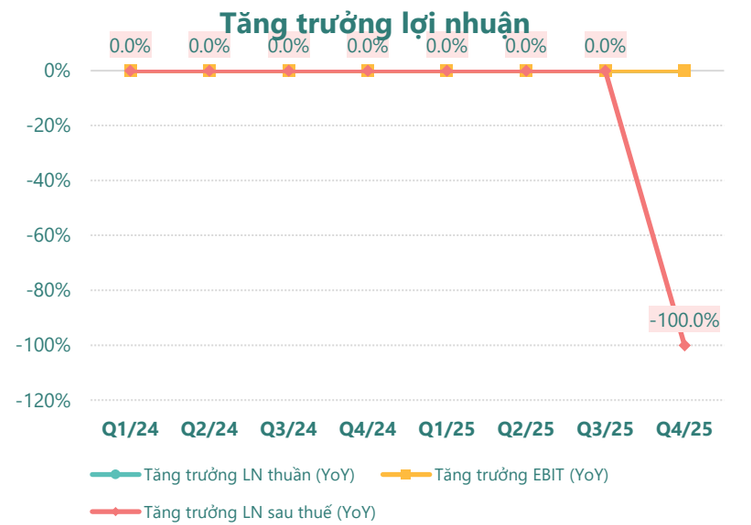
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



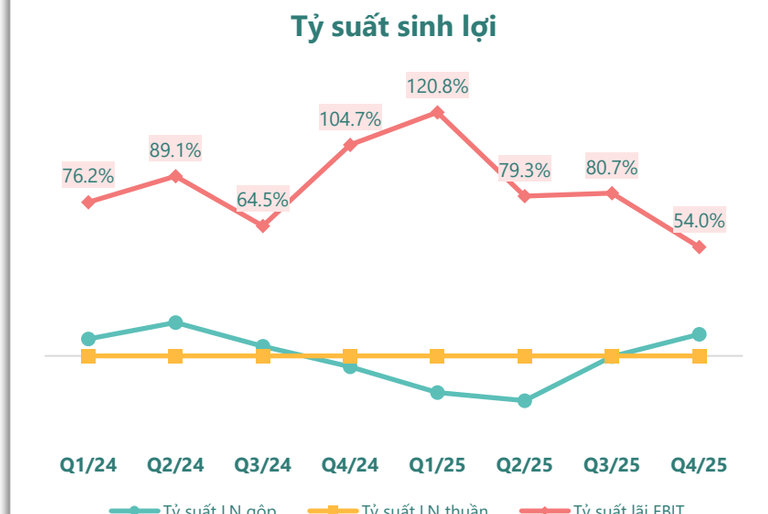
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



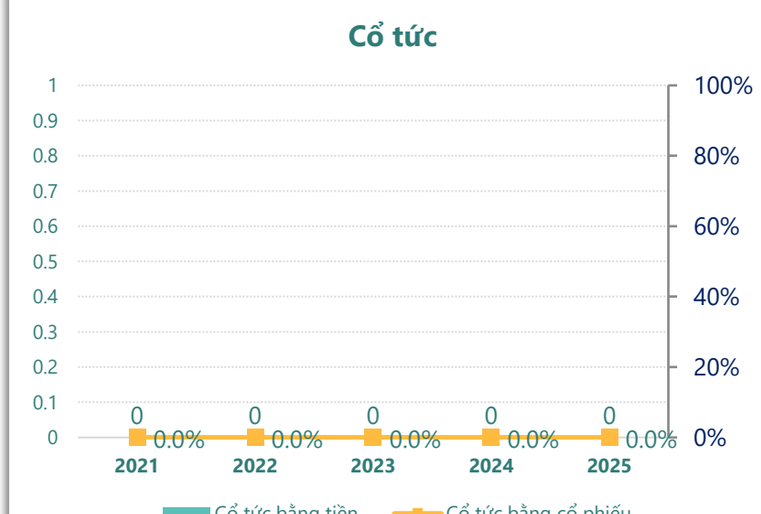
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

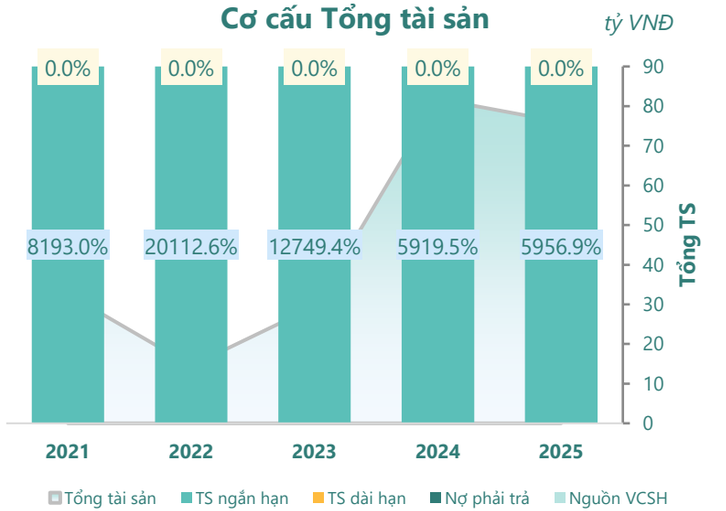
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

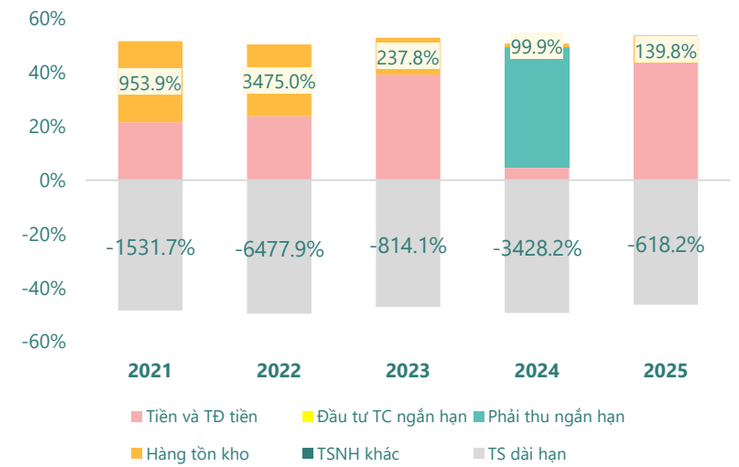
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



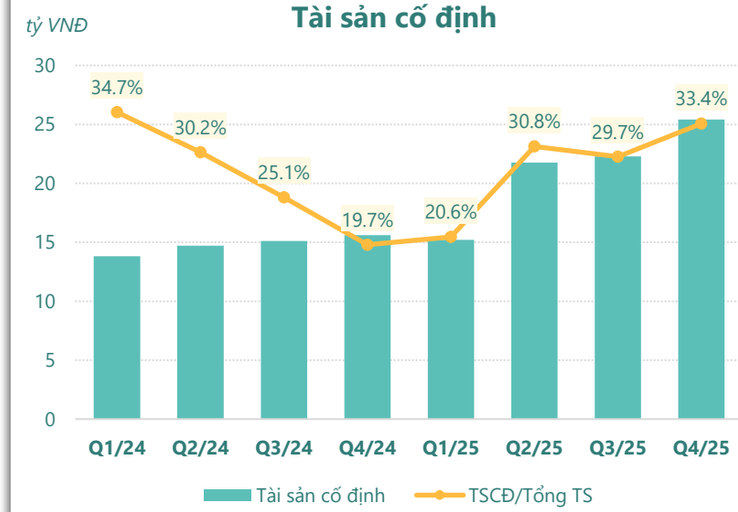
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



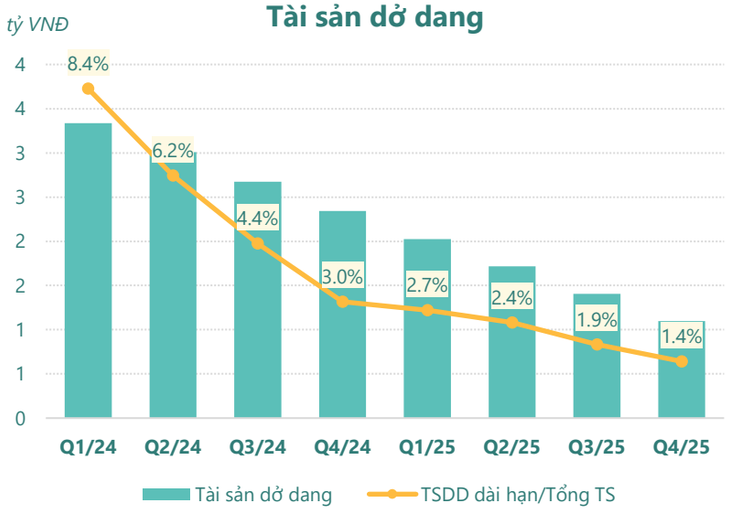
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



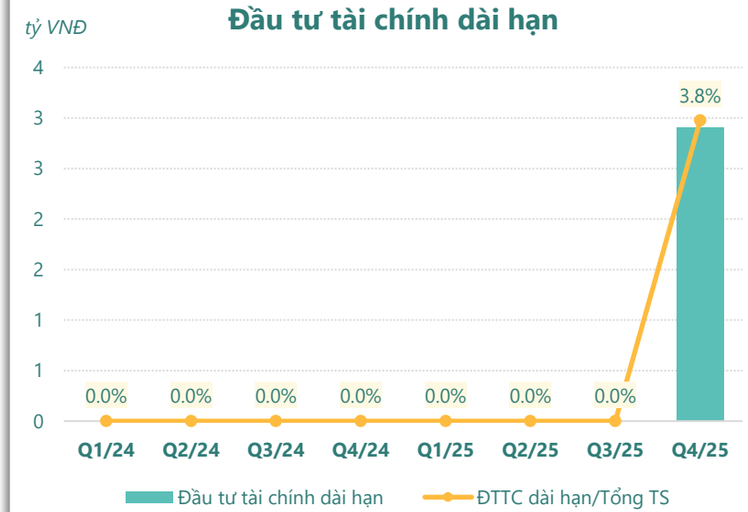
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

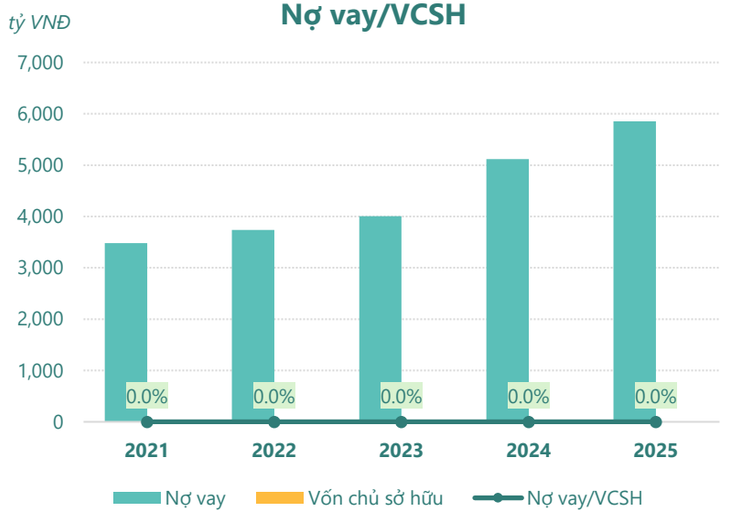
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

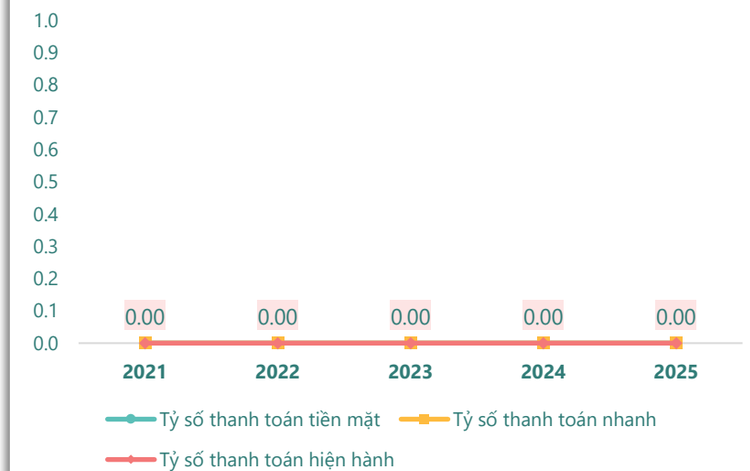
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



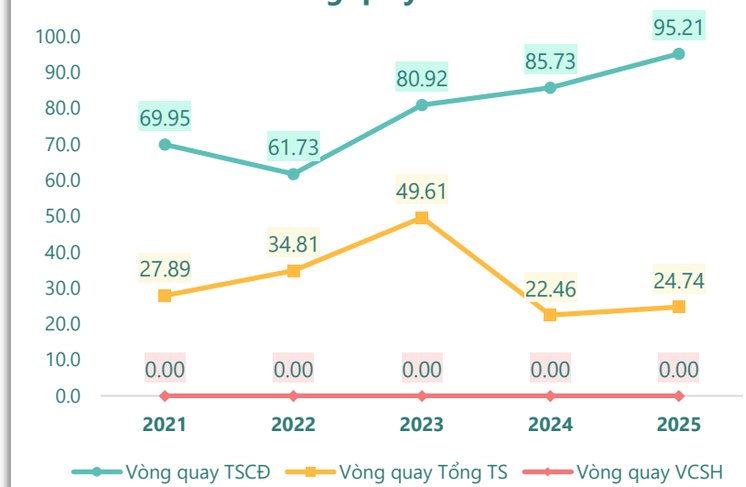
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



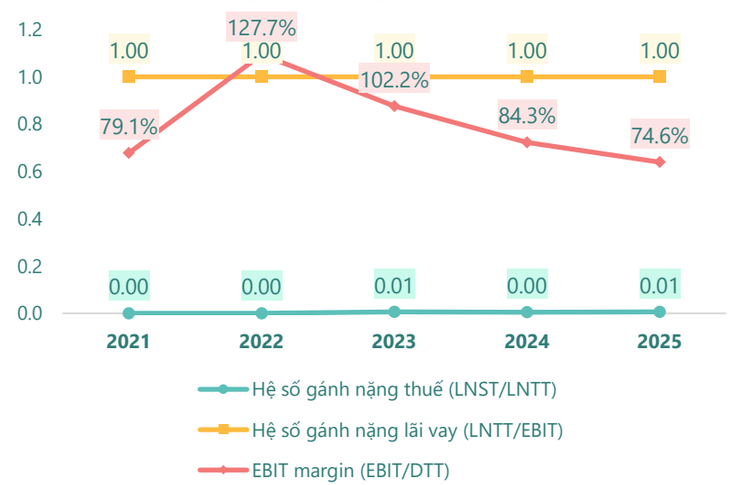
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



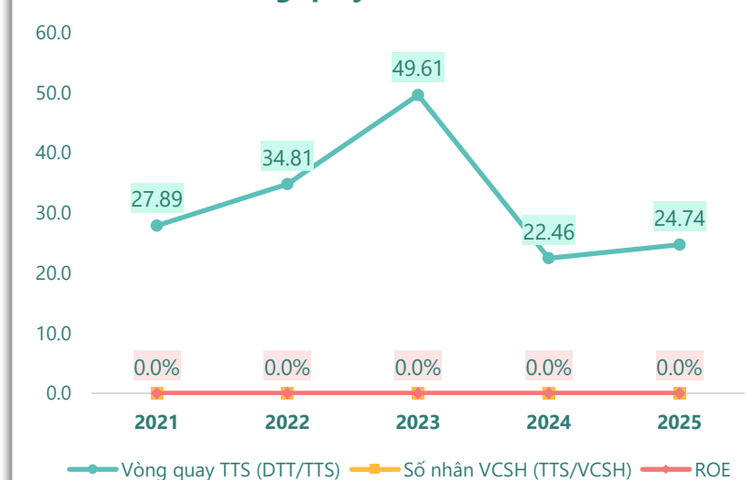
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



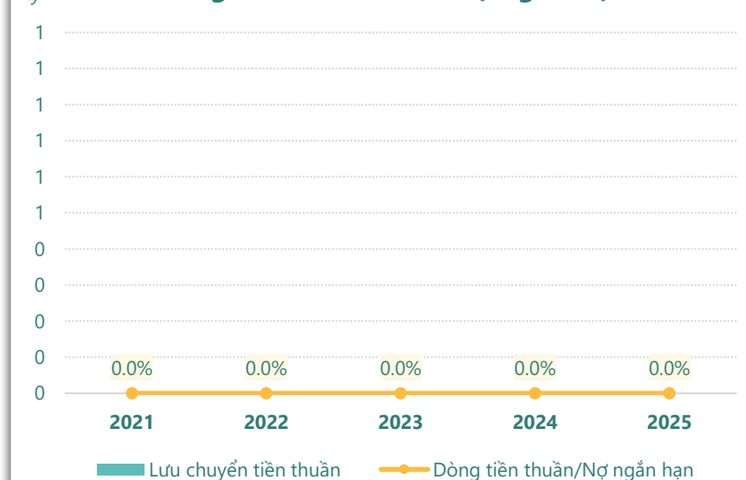
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**866**	**302**	**187%**	**1,952**	**1,249**	**56.2%**
Giá vốn hàng bán	368	323	13.9%	1,302	1,010	28.9%
Lợi nhuận gộp	93.5	-16.1	681%	-41.7	74.9	-156%
Doanh thu HĐTC	405	-4.19	9755%	691	164	322%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	83.0	64.6	28.4%	232	236	-1.8%
Chi phí QLDN	**305**	**158**	**92.7%**	**553**	**411**	**34.5%**
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận khác	**1,185**	**800**	**48.2%**	**3,095**	**2,356**	**31.4%**
LN trước thuế	467	317	47.4%	1,455	1,054	38.1%
Lợi nhuận sau thuế	**7.03**	**0.00**		**8.64**	**4.96**	**74.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**338**	**226**	**49.4%**	**907**	**665**	**36.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	144	117	258	84.8	187	716
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	117	258	84.8	187	716	440

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**76.0**	**81.8**	**-7.0%**
Tài sản ngắn hạn	4,529	4,841	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	440	258	70.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	2,545	-100%
Hàng tồn kho	106	81.7	30.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**0**	**0**	
Phải thu dài hạn	5.24	12.9	-59.4%
Tài sản cố định	25.4	15.6	63.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.10	2.34	-53.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.91	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	76.0	81.8	-7.0%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,853	5,115	14.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,713	4,006	17.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	1,140	1,109	2.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0.60**	**1.08**	**-44.0%**

(Nguồn: fireant.vn)